

Số: 31 /2017/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 1972/TTr-SXD ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.



QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định này Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt quy định tại Quyết định này không áp dụng đối với các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có các hoạt động làm phát sinh rác thải sinh hoạt ra môi trường và có sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo quy định (*gọi chung là chủ thu gom, vận chuyển*).

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

1. Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

S T T	Đối tượng trả tiền dịch vụ	ĐVT	Rạch Giá	Phú Quốc	Hà Tiên	Các huyện còn lại
1	Hộ gia đình					
	- Phường, thị trấn.	Đồng/hộ /tháng	25.000	30.000	24.000	21.000
	- Trung tâm xã và những tuyến đường thuộc khu vực nông thôn có hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải.	Đồng/hộ /tháng	12.000	15.000	12.000	10.000
	- Hộ gia đình có cho thuê nhà (phòng) trọ.	Đồng/phòng /tháng	10.000	10.000	10.000	10.000
2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ (dưới 10 lao động)					
	- Hộ kinh doanh không thường xuyên tại chợ (<i>trừ kinh doanh ăn uống, thực phẩm, rau quả</i>) và hộ kinh doanh không thường xuyên khác:					
	+ Phường, thị trấn.	Đồng/hộ /tháng	50.000	60.000	48.000	42.000
	+ Trung tâm xã.		24.000	30.000	24.000	20.000

S T T	Đối tượng trả tiền dịch vụ	ĐVT	Rạch Giá	Phú Quốc	Hà Tiên	Các huyện còn lại
	- Hộ kinh doanh thường xuyên tại chợ (có kinh doanh ăn uống, thực phẩm, rau quả); hộ gia đình kết hợp kinh doanh tại nhà và hộ kinh doanh thường xuyên khác: + Phường, thị trấn. + Trung tâm xã.	Đồng/hộ /tháng	75.000 36.000	90.000 45.000	72.000 36.000	63.000 30.000
3	Trụ sở làm việc của cơ quan hành chính, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, trạm y tế, các cơ sở tôn giáo.	Đồng/đơn vị/tháng	125.000	150.000	120.000	105.000
4	- Cửa hàng, nhà hàng kinh doanh ăn uống, khách sạn, kinh doanh du lịch sinh thái, hội chợ thương mại, các đơn vị tổ chức sự kiện tại những nơi công cộng, ... - Trường học, nhà trẻ, công an, quân đội. - Bến tàu, bến xe, vựa cá, vựa trái cây. - Nhà máy, cơ sở sản xuất, bệnh viện. - Công trình xây dựng và cơ sở vật liệu xây dựng.	Đồng/m ³	200.000	240.000	192.000	168.000

2. Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt quy định tại Khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Quản lý và sử dụng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

- Chủ nguồn thải trực tiếp ký hợp đồng với chủ thu gom, vận chuyển (*chủ thu gom, vận chuyển bố trí nhân sự thu tiền đến các chủ nguồn thải*); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ký hợp đồng với chủ thu gom, vận chuyển để thu gom, vận chuyển rác thải từ hộ gia đình, nơi công cộng, tổ chức triển khai bộ máy, bố trí nhân sự đi thu tiền từ hộ gia đình (*hộ gia đình không trực tiếp ký hợp đồng với chủ thu gom, vận chuyển*); có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai giá thu đến các chủ nguồn thải.

- Quản lý, sử dụng số tiền thu được: Toàn bộ số tiền thu được thực hiện đúng nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (*nếu có*) theo quy định. Số tiền thu còn lại để làm chi phí phục vụ cho công tác thu giá dịch vụ, trả cho chủ thu gom, vận chuyển.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn khi tổ chức thu tiền dịch vụ phải thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tổ chức triển khai thực hiện và thường xuyên kiểm tra việc thu giá dịch vụ theo Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về chính sách hoặc biến động về giá, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Quyết định cho phù hợp.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và bãi bỏ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SXD, nvthanh. *202*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

